TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thì Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Công H, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp LT, xã L Th, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp ; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị S, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp PL A, xã PT B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp PL A, xã PT B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trương Công H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT vào năm 2008, hôn nhân do mai mối. Sau khi cưới hai vợ chồng sống bên nhà anh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc, đến khi sinh con vào cuối năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau, vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Cha mẹ hai bên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm cho vợ chồng. Nay tình cảm không còn, anh H yêu cầu ly hôn với chị S.

- Về việc nuôi con: Có một con chung tên Trương Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/02/2007, hiện đang sống chung với anh H, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Lê Thị Đ trình bày: Bà là mẹ ruột của chị S, bà không có mâu thuẫn gì với anh H, chị S. Anh H, chị S cưới nhau mười mấy năm trước, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn sống chung nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn thì bà không biết. Mấy năm nay anh H, chị S đã không còn liên hệ gì với nhau nên nay anh H yêu cầu ly hôn, chị S cũng đồng ý nhưng do công việc không về được. Về con chung: Anh H, chị S có một con chung tên Trương Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/02/2007, từ khi vợ chồng anh H ly thân thì cháu H1 sống chung với anh H và gia đình bên nội. Chị S cũng đồng ý cho anh H tiếp tục nuôi con, chị S không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Bà có nhận được các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, có giao lại cho chị S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Công H với chị Võ Thị S. Về việc nuôi con: Giao cháu Trương Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/02/2007 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Bị đơn chị Võ Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Người làm chứng bà Lê Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa vắng mặt, không có lý do, nhưng đã có lời khai với Tòa án.

Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[4] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Công H và chị Võ Thị S là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của anh Trương Công H là có căn cứ, vì: anh H, chị S đã ly thân nhiều năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh H, không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm. Bà Đ là mẹ ruột chị S trình bày anh H, chị S đã không còn sống chung nhiều năm, chị S đã đi làm ở xa, chị S có biết việc anh H yêu cầu ly hôn và thống nhất ly hôn nhưng do bận việc không đến Tòa án được. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay anh H, chị S đã không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm của của anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Công H đối với chị Võ Thị S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về việc nuôi con: Có một con chung tên Trương Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/02/2007, hiện đang sống chung với anh H, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh H, chị S ly thân cho đến nay, cháu H1 sống chung với anh H được chăm sóc đầy đủ, được đi học, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và cháu H1 có nguyện vọng sống chung với anh H. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống, không làm ảnh hưởng đến tâm lý cháu Huyền, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu H1 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn Trương Công H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000

đồng theo lai thu số 0001192 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn chị Võ Thị Sẫm không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Công H. Cho anh Trương Công H ly hôn với chị Võ Thị S.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Trương Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/02/2007 cho anh Trương Công H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H tự nguyện không yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Công H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0001192 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 7 năm 2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thì Trang